

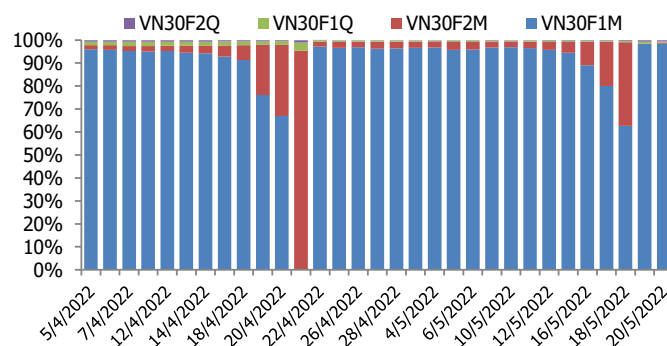
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|------------------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2206 | 16/6/2022 | 26 | 1276.80 | 26,517 |
| VN30F2207 | 21/7/2022 | 61 | 1267.80 | 149 |
| VN30F2209 | 15/9/2022 | 117 | 1274.00 | 154 |
| VN30F2212 | 15/12/2022 | 208 | 1263.20 | 138 |

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Nhịp tăng giảm đan xen tiếp tục diễn ra trên thị trường phái sinh, đóng cửa 3/4 HĐTL lại quay đầu giảm với mức dao động từ -17,1 đến +2,3 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 1,04 điểm. Do đó, độ lệch (basis) của các hợp đồng ghi nhận ở mức âm. Cụ thể, basis của VN30F2206 tăng lên -5,71 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2207 giảm xuống -14,71 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm so với phiên trước đạt 317.721 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 06 với 593 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 1.982 hợp đồng.
- Sau những nhịp hồi phục mang nhiều tính tiết cung, VN30-Index gặp những thử thách đáng kể đầu tiên ở vùng cản 1300 điểm. Trong khi đó, các cổ phiếu trụ gần như không lên tiếng bởi dòng tiền chỉ tập trung ở những cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ. Khi kỳ vọng đà hồi phục vẫn có thể duy trì, thanh khoản ở mức thấp, xu hướng đi ngang sẽ còn kéo dài. Do đó, chiến lược chủ đạo trong tuần tới vẫn là giao dịch trong biên độ, hay còn gọi là Mua khi giá điều chỉnh và canh Bán nếu thị trường hồi phục.
- Do đó, nhà đầu tư phái sinh nên tiếp cận tuần mới với tâm lý thận trọng ở cả hai chiều Long và Short, hạn chế bám theo các tín hiệu tăng-giảm, thay vì vậy, rình rập quanh các khu vực hỗ trợ - kháng cự. Đối với chiến lược giao dịch ngắn hạn, canh Mua trong trường hợp giá điều chỉnh về các mức hỗ trợ 1260-1265 điểm, quản trị rủi ro nếu thủng xuống dưới 1250 điểm và hướng đến ngưỡng giá mục tiêu 1310. Chiều ngược các vị thế Bán khổng có thể được mở nếu giá hồi nhanh về vùng kháng cự 1310-1320 điểm, quản trị rủi ro nếu VN30F1M vượt hẳn qua 1325 điểm và canh chốt lời nếu đạt mức lợi nhuận 30 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

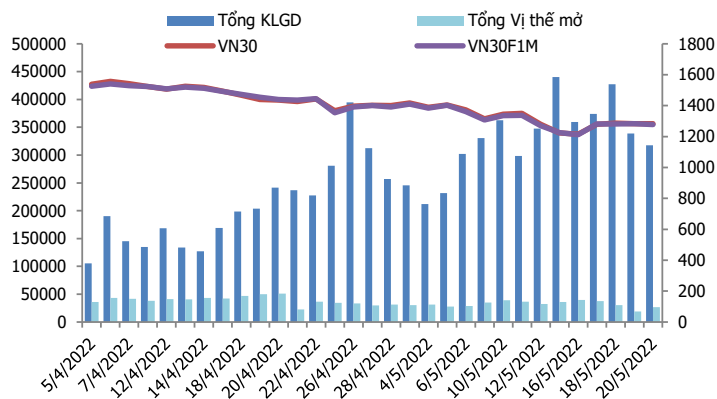
Với bối cảnh hiện tại, chiến lược trading trong biên độ sẽ là chiến lược hợp lý hơn. Vùng kháng cự quan trọng cho các nhịp hồi nếu xảy ra trên chỉ số phái sinh là 1288-1292 điểm hoặc 1308-1312 điểm. Chiến lược Long được xem xét mở ra trong các nhịp rung lắc, đặc biệt quan sát những sự tích lũy quanh các vùng 1260-1265 điểm.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Thị trường đang xuất hiện những nhịp dao động mạnh không phù hợp với chiến lược giữ vị thế qua đêm.

Chiến lược giao dịch spread

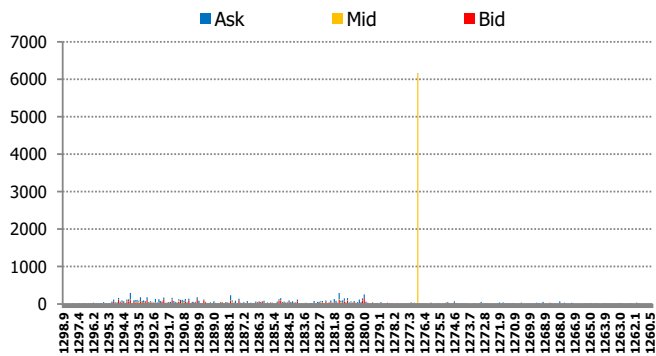
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGD | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|--------|--------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2206 | 1276.8 | 0.18 | 317,068 | 2.4 | 26,517 | 43.6 |
| VN30F2207 | 1267.8 | #N/A N | 461 | -98.4 | 149 | |
| VN30F2209 | 1274.0 | -0.01 | 161 | 50.5 | 154 | -7.2 |
| VN30F2212 | 1263.2 | -0.65 | 31 | -50.0 | 138 | 2.2 |
| Tổng | | | 317,721 | -6.3 | 26,958 | 43.6 |

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Nhịp tăng giảm đan xen tiếp tục diễn ra trên thị trường phái sinh, đóng cửa 3/4 HĐTL lại quay đầu giảm với mức dao động từ -17,1 đến +2,3 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 1,04 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 6,28% so với phiên liền trước, đạt 317.721 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 06 với 317.068 hợp đồng. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 06 với 593 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 1.982 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2206 là 1.282,46 điểm (cao hơn 5,66 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2207 là 1.283,74 điểm (+15,94 điểm), VN30F2209 là 1.287,88 điểm (+13,88 điểm) và VN30F2212 là 1.292,03 điểm (+28,83 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

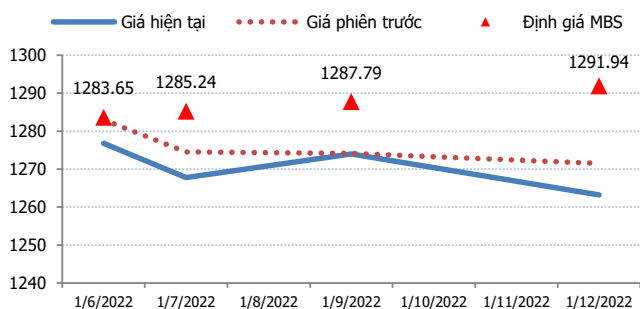
| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|------------------|------------------|------------------|
| Tổng kết | BUY | NEUTRAL | SELL |
| Hỗ trợ | 1265-1268 | 1251-1256 | 1200-1205 |
| Kháng cự | 1285-1288 | 1308-1312 | 1350-1365 |

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



| Spread HĐTL | Hiện tại | Phiên trước | +/- | MA5 |
|-------------------|----------|-------------|------|-------|
| VN30F2M - VN30F1M | -9 | -8.50 | -0.5 | -1.74 |
| VN30F1Q - VN30F1M | -2.8 | -8.90 | 6.1 | -0.66 |
| VN30F1Q - VN30F2M | 6.2 | -0.40 | 6.6 | 1.08 |
| VN30F2Q - VN30F1M | -13.6 | -11.50 | -2.1 | -3.7 |
| VN30F2Q - VN30F2M | -4.6 | -3.00 | -1.6 | -1.96 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -10.8 | -2.60 | -8.2 | -3.04 |

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



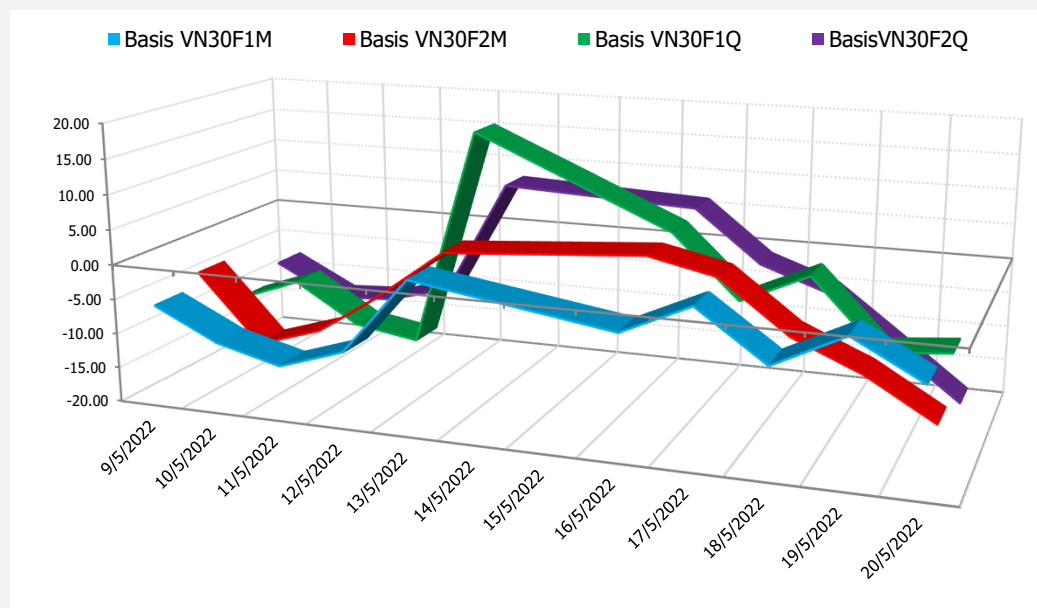
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÈNH LỆCH GIÁ HĐTL

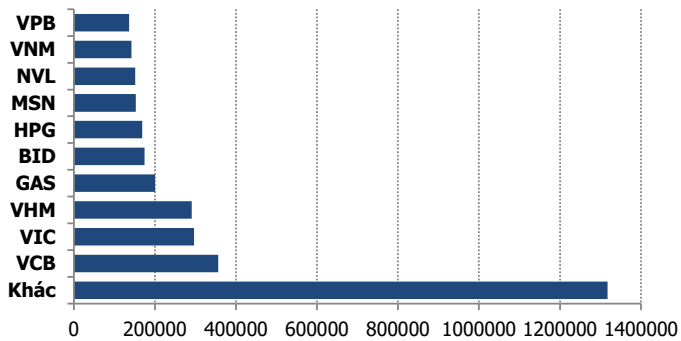
- Nhịp tăng giảm đan xen tiếp tục diễn ra trên thị trường phái sinh, đồng của 3/4 HĐTL lại quay đầu giảm với mức dao động từ -17,1 đến +2,3 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 1,04 điểm. Do đó, độ lệch (basis) của các hợp đồng ghi nhận ở mức âm. Cụ thể, basis của VN30F2206 tăng lên -5,71 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2207 giảm xuống -14,71 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -13,6 điểm đến 6,2 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2204-VN30F2203) giảm đi 0,5 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

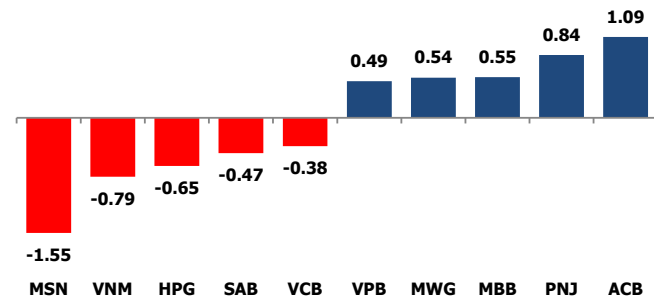


| | VNIndex | VN30 |
|------------------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 1240.71 | 1282.51 |
| Thay đổi | -0.93 | -1.04 |
| %Chg | -0.07 | -0.08 |
| YTD | -17.19 | -16.49 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 4,920.39 | 3,387.13 |
| P/E | 13.47 | 11.19 |
| P/B | 2.09 | 2.18 |

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



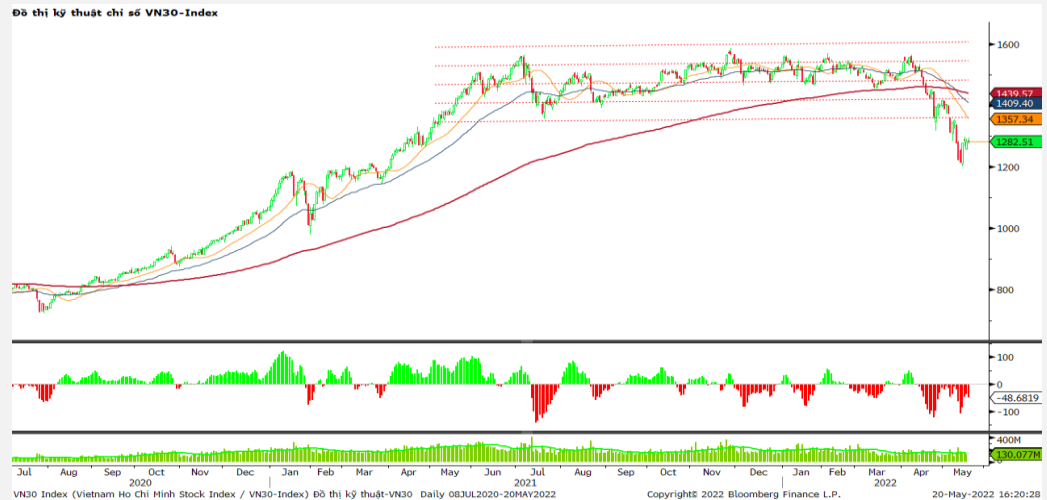
NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân khiến các chỉ số chính khép phiên trong sắc đỏ. Số mã giảm điểm (17) áp đảo hoàn toàn so với số mã tăng điểm (10) và 3 mã đứng tham chiếu. MSN và VNM trở thành hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -1,55 điểm và -0,79 điểm; ngoài ra HPG, SAB hay VCB cũng là những bluechips giảm điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa dưới mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 1,04 điểm (-0,08%) xuống 1.282,51 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 117,41 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 4.243 tỷ đồng.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng với 380,79 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực bán tập trung ở các mã như HPG (-166 tỷ đồng), SSI (-137 tỷ đồng), VIC (-72 tỷ đồng), DGC (-44 tỷ đồng), VCI (-32 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|------------|-----------|--------|-------|---------|
| VNIndex | 1,240.71 | (0.07) | 13.47 | (17.19) |
| Dow Jones | 31,261.90 | 0.03 | 16.81 | (13.97) |
| S&P500 | 3,901.36 | 0.01 | 19.52 | (18.14) |
| Nikkei 225 | 26,739.03 | 1.27 | 18.99 | (7.13) |
| Shanghai | 3,146.57 | 1.60 | 12.71 | (13.55) |
| DAX | 13,981.91 | 0.72 | 12.57 | (11.98) |
| Vàng | 1,846.50 | 0.25 | | 0.95 |
| Dầu WTI | 110.28 | 0.35 | | 46.63 |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|--|----------|--------|---------|
| Thứ Hai - 16/05/2022 | | | |
| Trung Quốc - Sản lượng công nghiệp (năm/năm) (Tháng 4) | 5.0% | 0.4% | -2.9% |
| Thứ Ba - 17/05/2022 | | | |
| Anh - Chỉ số thu nhập trung bình + Tiền thưởng (Tháng 3) | 5.6% | 5.4% | 7.0% |
| Anh - Thay đổi trợ cấp thất nghiệp (Tháng 4) | -81.6K | -42.5K | -56.9K |
| Mỹ - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 4) | 2.1% | 0.4% | 0.6% |
| Mỹ - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 4) | 1.4% | 0.9% | 0.9% |
| Nhật Bản - Tổng GDP (quý/quý) (Quý 1) | 0.9% | -0.4% | -0.2% |
| Thứ Tư - 18/05/2022 | | | |
| Anh - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 4) | 7.0% | 9.1% | 9.0% |
| Châu Âu - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 4) | 7.5% | 7.5% | 7.4% |
| Mỹ - Giấy phép xây dựng (Tháng 4) | 1.879M | 1.812M | 1.819M |
| Canada - CPI lõi (tháng/tháng) (Tháng 4) | 1.0% | 0.4% | 0.7% |
| Mỹ - Dự trữ đầu thô | 8.487M | 1.383M | -3.394M |
| Thứ Năm - 19/05/2022 | | | |
| Úc - Thay đổi việc làm (Tháng 4) | 17.9K | 30.0K | 4.0K |
| Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu | 197K | 200K | 218K |
| Mỹ - Chỉ số sản xuất Fed Philadelphia (Tháng 5) | 17.6 | 16.0 | 2.6 |
| Mỹ - Doanh số bán nhà hiện tại (Tháng 4) | 5.75M | 5.65M | 5.61M |
| Thứ Sáu - 20/05/2022 | | | |
| Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản của PBoC | 3.70% | | 3.70% |
| Anh - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 4) | -1.2% | -0.2% | 1.4% |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Đóng cửa, chỉ số S&P 500 nhích 0,01% lên 3.901,36 điểm sau khi sụt tới 2,3% vào đầu phiên. Tại mức đáy trong phiên, S&P 500 đã thấp hơn 20,9% so với mức đỉnh ghi nhận hồi tháng 1/2022. Chỉ số này đóng cửa thấp hơn mức kỳ lục khoảng 19%. Chỉ số Dow Jones tiến 8,77 điểm lên 31.261,90 điểm sau khi sụt hơn 600 điểm ở mức thấp nhất trong phiên. Chỉ số Nasdaq Composite mất 0,3% và nằm sâu trong vùng thị trường "con gấu", rớt 30% so với mức đỉnh.
- Giá dầu tiếp tục tăng nhẹ do kế hoạch cấm dầu Nga của Liên minh châu Âu và Trung Quốc nói lỏng các biện pháp phong tỏa chống Covid-19 đã làm giảm bớt lo ngại về nguy cơ kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại – yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu. Giá dầu Brent giao tháng 7 phiên này tăng 51 cent, tương đương 0,5% lên 112,55 USD/thùng. Dầu Tây Texas (WTI) của Mỹ giao tháng 6 tăng 1,02 USD, tương đương 0,9%, lên mức 113,23 USD trong phiên giao dịch cuối cùng của kỳ hạn này.
- Giá vàng tăng trong phiên cuối tuần do lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ giảm và nhà đầu tư tìm tới vàng như một nơi trú ẩn an toàn. Kết phiên, giá vàng giao ngay tăng 0,1% lên 1.843,29 USD/ounce, sau khi có thời điểm trong ngày đạt mức cao nhất trong vòng một tuần; vàng kỳ hạn tháng 6 tăng 0,1% lên 1.842,10 USD.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 MSN, VNM và HPG là những nguyên nhân chính khiến chỉ số VN30 tiếp tục giảm điểm. Trong đó, MSN gây ảnh hưởng -1,55 điểm tới chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Tỷ trọng (%) | Giá | %Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|----------|--|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|----------|------|
| VIC | Real Estate Management & Development | 7.89 | 77,800 | -0.13 | 1.83% | 179.901 | -0.13 | #N/A N/A | 2.84 |
| VPB | Banks | 7.80 | 30,600 | 0.49 | 2.15% | 227.165 | 0.49 | 7.90 | 1.56 |
| HPG | Metals & Mining | 7.59 | 37,650 | -0.66 | 1.48% | 524.225 | -0.65 | 5.06 | 1.70 |
| TCB | Banks | 6.68 | 35,700 | -0.28 | 3.11% | 195.735 | -0.24 | 6.54 | 1.28 |
| VHM | Real Estate Management & Development | 6.63 | 66,800 | -0.30 | 2.12% | 153.612 | -0.25 | 7.60 | 2.25 |
| FPT | Electronic Equipment, Instruments & Components | 6.16 | 97,500 | 0.52 | 1.96% | 138.038 | 0.41 | 18.92 | 4.61 |
| MWG | Specialty Retail | 5.63 | 134,000 | 0.75 | 2.88% | 116.575 | 0.54 | 19.06 | 4.38 |
| ACB | Banks | 5.47 | 29,050 | 1.57 | 2.45% | 56.031 | 1.09 | 7.54 | 1.63 |
| MSN | Food Products | 5.01 | 107,800 | -2.36 | 4.39% | 102.241 | -1.55 | 15.31 | 5.56 |
| VNM | Food Products | 4.67 | 68,100 | -1.30 | 2.79% | 89.315 | -0.79 | 15.51 | 4.42 |
| MBB | Banks | 4.60 | 27,000 | 0.93 | 2.44% | 136.132 | 0.55 | 7.45 | 1.59 |
| NVL | Real Estate Management & Development | 4.31 | 77,800 | -0.26 | 1.82% | 185.322 | -0.14 | 35.89 | 4.16 |
| VCB | Banks | 3.21 | 75,300 | -0.92 | 2.00% | 49.832 | -0.38 | 15.51 | 3.05 |
| STB | Banks | 3.17 | 21,600 | -0.69 | 2.56% | 311.137 | -0.28 | 10.32 | 1.15 |
| HDB | Banks | 2.78 | 24,350 | 0.21 | 2.92% | 56.665 | 0.07 | 7.57 | 1.57 |
| VJC | Airlines | 2.78 | 125,300 | 0.00 | 2.03% | 62.776 | 0.00 | 346.65 | 3.97 |
| TPB | Banks | 2.24 | 31,400 | 0.80 | 3.21% | 66.669 | 0.23 | 9.49 | 1.81 |
| VRE | Real Estate Management & Development | 1.89 | 27,350 | -0.18 | 3.17% | 58.022 | -0.04 | 68.22 | 2.01 |
| PNJ | Textiles, Apparel & Luxury Goods | 1.79 | 106,000 | 3.82 | 2.81% | 50.744 | 0.84 | 19.48 | 3.21 |
| SSI | Capital Markets | 1.62 | 28,450 | -0.18 | 3.87% | 476.921 | -0.04 | 9.41 | 1.89 |
| CTG | Banks | 1.53 | 25,900 | -0.77 | 2.32% | 132.426 | -0.15 | 10.13 | 1.28 |
| KDH | Real Estate Management & Development | 1.42 | 41,400 | -0.24 | 1.34% | 51.24 | -0.04 | 22.05 | 2.54 |
| PDR | Capital Markets | 1.18 | 53,800 | -0.37 | 3.97% | 125.642 | -0.06 | 19.37 | 4.95 |
| SAB | Food Products | 0.90 | 156,500 | -3.93 | 3.01% | 26.53 | -0.47 | 26.22 | 4.69 |
| GAS | Gas Utilities | 0.82 | 104,500 | -1.23 | 2.99% | 30.778 | -0.13 | 20.45 | 3.67 |
| POW | Independent Power and Renewable Electricity Producer | 0.61 | 12,800 | 0.00 | 3.94% | 137.235 | 0.00 | 14.91 | 1.03 |
| BID | Banks | 0.57 | 34,500 | -0.43 | 1.75% | 39.101 | -0.03 | 15.22 | 2.01 |
| PLX | Oil, Gas & Consumable Fuels | 0.42 | 40,500 | 0.00 | 3.09% | 45.181 | 0.00 | 20.77 | 2.02 |
| GVR | Real Estate Management & Development | 0.31 | 23,700 | 3.27 | 5.45% | 56.342 | 0.13 | 21.57 | 1.91 |
| BVH | Beverages | 0.31 | 50,200 | 0.20 | 3.31% | 74.06 | 0.01 | 19.63 | 1.72 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | Đặc điểm sản phẩm |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | -Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | Thời gian giao dịch | GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45 |
| | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bước giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

| | | |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | son.tranhoang@mbs.com.vn |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu | quynh.phamvan@mbs.com.vn |
| Đình Việt Long | Chuyên viên nghiên cứu | long.dinhviet@mbs.com.vn |